

Số: 54/2025/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 22 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ cho người lao động
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 69/2020/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15 tháng 6 tháng 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi

cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Xét Tờ trình số 670/TTr-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định chính sách hỗ trợ người lao động trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định chính sách hỗ trợ cho người lao động trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ cho người lao động trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
4. Trường hợp các văn bản được viện dẫn áp dụng trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

6. Nghị quyết này bãi bỏ các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định một số chính sách cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn của tỉnh.

b) Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định về chính sách hỗ trợ người lao động, học sinh, sinh viên trên địa bàn của tỉnh đi làm việc, học tập ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2021 - 2025.

c) Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về chính sách cho vay vốn hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

7. Đối với các trường hợp đã nộp hồ sơ đề nghị hợp lệ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục xem xét, giải quyết theo các quy định đã được Hội đồng nhân dân các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre ban hành trước khi sáp nhập.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Khóa X, Kỳ họp chuyên đề lần thứ Tư thông qua ngày 22 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ;
- Ngân hàng chính sách xã hội;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm thông tin điều hành, Trang TTĐT Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Dũng

QUY ĐỊNH

Chính sách hỗ trợ cho người lao động trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2025/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chính sách cho vay vốn và hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, chi phí làm thủ tục để người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Người lao động cư trú hợp pháp tại tỉnh Vĩnh Long có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Vĩnh Long và các Phòng Giao dịch trực thuộc nhận ủy thác.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện Quy định này.

Điều 3. Chính sách cho vay

1. Hình thức cho vay: Không đảm bảo tài sản.

2. Mức cho vay

a) Đối với người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng (theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 2 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15 tháng 6 tháng 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm): Được vay với mức tối đa theo chính sách này là phần chênh lệch giữa chi phí hợp pháp cần thiết để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và phần được vay từ nguồn Trung ương theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP, không bao gồm các khoản chi phí được hỗ trợ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC.

b) Đối với người lao động là thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; lao động thuộc diện mồ côi hoặc đang sinh sống tại các cơ sở bảo trợ xã hội: Được vay với mức tối đa bằng chi phí hợp pháp cần thiết để đi làm

việc ở nước ngoài theo hợp đồng, không bao gồm các khoản chi phí được hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

c) Các đối tượng còn lại: Được vay với mức tối đa bằng 70% chi phí hợp pháp cần thiết để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, không bao gồm các khoản chi phí được hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

d) Chi phí hợp pháp cần thiết quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này được quy định trong hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Đối với trường hợp người lao động thuộc nhiều đối tượng cho vay thì được hưởng mức cho vay cao nhất.

3. Lãi suất cho vay

a) Đối với đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này: Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay vốn đối với hộ nghèo do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ.

b) Đối với đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều này: Lãi suất cho vay bằng 125% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ.

c) Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay theo từng nhóm đối tượng.

4. Thời hạn cho vay: Không vượt quá thời hạn đi làm việc ở nước ngoài của người lao động, được quy định trong hợp đồng ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp hoạt động dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, chi phí làm thủ tục để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Quy định này được hỗ trợ một lần theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC.

2. Đối tượng quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 3 Quy định này được hỗ trợ một lần bằng 70% mức hỗ trợ của các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này. Cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề: Theo chi phí thực tế phát sinh, tối đa 2.100.000 đồng/người/khóa.

b) Hỗ trợ chi phí đào tạo ngoại ngữ: Theo chi phí thực tế phát sinh, tối đa 2.100.000 đồng/người/khóa.

c) Hỗ trợ chi phí bồi dưỡng kiến thức cần thiết (giáo dục định hướng): Theo chi phí thực tế phát sinh, tối đa 371.000 đồng/người/khóa.

d) Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian đào tạo nghề, đào tạo ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức: 28.000 đồng/người/ngày (tối đa 156 ngày).

đ) Hỗ trợ chi phí đi lại (01 lượt đi và về) cho người lao động từ nơi cư trú hợp pháp đến địa điểm đào tạo: 140.000 đồng/người/khóa.

e) Hỗ trợ lệ phí cấp hộ chiếu: 140.000 đồng/người.

g) Hỗ trợ phí cung cấp lý lịch tư pháp: 140.000 đồng/người.

h) Hỗ trợ lệ phí làm thị thực (visa): Theo chi phí thực tế phát sinh, tối đa 441.000 đồng/người.

i) Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe: Theo chi phí thực tế phát sinh, tối đa 525.000 đồng/người.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Điều 3 Quy định này được chi từ nguồn ngân sách địa phương hàng năm ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay hỗ trợ người lao động.

2. Kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Điều 4 Quy định này được chi từ nguồn chi thường xuyên và chi đầu tư ngân sách cấp tỉnh và nguồn vận động xã hội hóa (nếu có). Riêng đối tượng thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn kinh phí của dự án đầu tư hoặc phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt (theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC).